

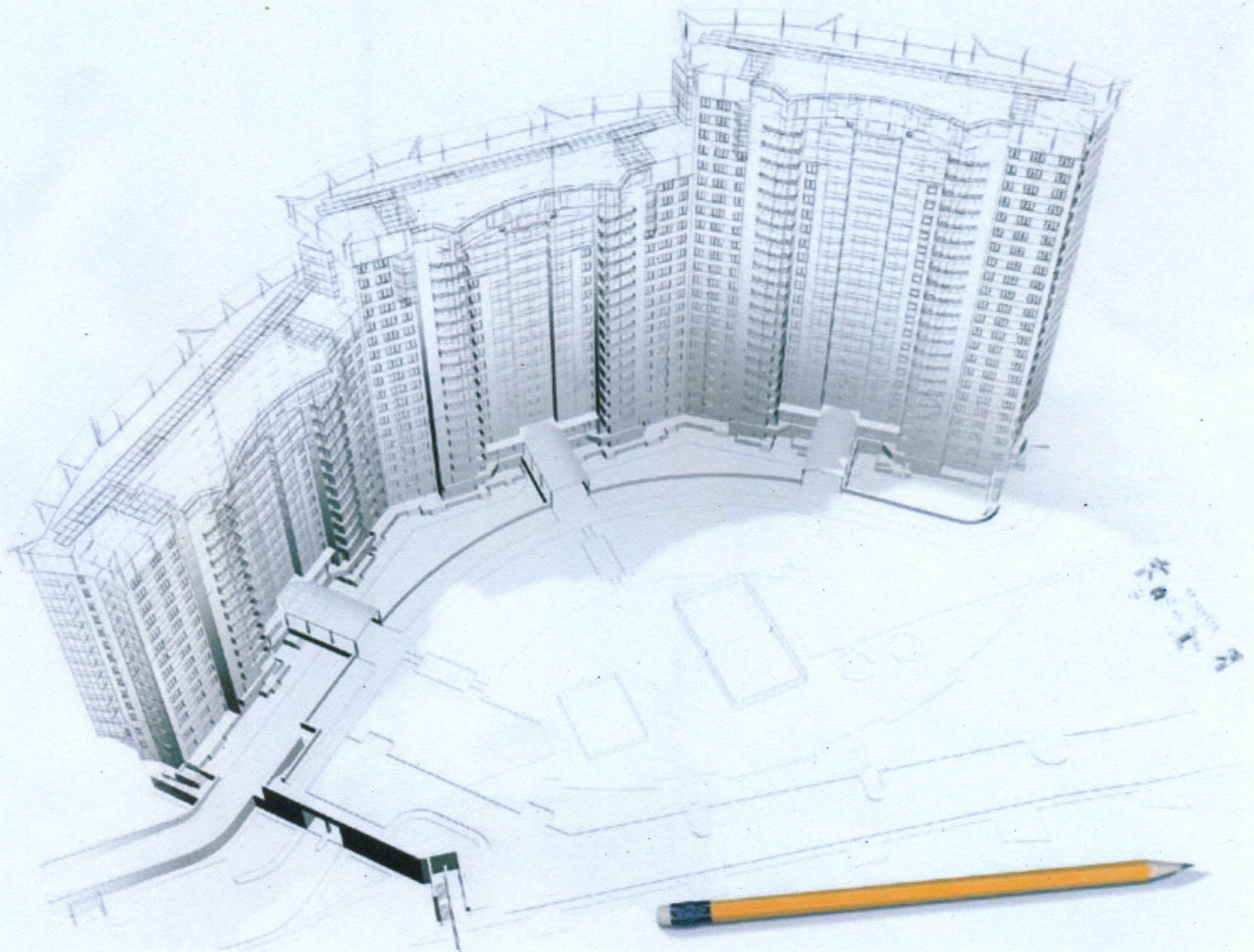
ĐÔNG **SAIGON**

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 04 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	2 - 3
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 04 năm 2014	4
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014	5 - 6
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 năm 2014	7 - 19
6. Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu	20

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		136.750.277.508	123.188.407.506
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.494.322.246	4.133.648.181
1. Tiền	111	V.01	1.494.322.246	4.133.648.181
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.000.000.000	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		93.606.858.201	90.266.942.654
1. Phải thu khách hàng	131	V.02		46.648.464
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	1.340.721.868	1.110.182.158
3. Các khoản phải thu khác	135	V.04	92.271.647.333	89.115.623.032
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.05	(5.511.000)	(5.511.000)
IV. Hàng tồn kho	140		36.953.380.713	27.221.139.787
1. Hàng tồn kho	141	V.06	36.953.380.713	27.221.139.787
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		695.716.348	1.566.676.884
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	212.237.990	315.940.694
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		286.859.685	973.926.596
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.457.415	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.08	194.161.258	276.809.594
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.704.089.968.448	1.692.103.535.170
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		1.258.056.759.225	1.172.979.886.951
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	9.796.862.840	11.703.456.154
Nguyên giá	222		18.238.539.499	18.134.398.590
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.441.676.659)	(6.430.942.436)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	1.248.259.896.385	1.161.276.430.797
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		443.757.730.030	516.358.682.244
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	28.000.000.000	28.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	415.836.840.107	488.388.815.300
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.13	(79.110.077)	(30.133.056)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.275.479.193	2.764.965.975
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2.094.219.193	2.583.705.975
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	181.260.000	181.260.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.840.840.245.956	1.815.291.942.676

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.175.467.454.791	1.140.608.051.818
I. Nợ ngắn hạn	310		175.467.454.791	140.608.051.818
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	V.16	1.484.303.489	2.536.628.138
3. Người mua trả tiền trước	313		847.200	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	23.952.390	46.877.649
5. Phải trả người lao động	315	V.18	31.678.790	
6. Chi phí phải trả	316	V.19	167.070.576.380	135.780.250.350
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	6.624.667.375	971.866.514
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	231.429.167	1.272.429.167
II. Nợ dài hạn	330		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		665.372.791.165	674.683.890.858
I. Vốn chủ sở hữu	410		665.372.791.165	674.683.890.858
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		660.000.000.000	660.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(4.710.000.000)	(4.710.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.360.010.821	1.360.010.821
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.360.010.821	1.360.010.821
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.362.769.523	16.673.869.216
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.840.840.245.956	1.815.291.942.676

Nhơn Trạch, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thúy Hoa

Khuông Nguyễn Đức Huy

Nguyễn Hiếu Lộc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 04/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			Quý 4/2014	Cả năm	Quý 4/2013	Cả năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	8.541.905.458	12.852.262.484	11.294.385.868	24.763.281.263
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		8.541.905.458	12.852.262.484	11.294.385.868	24.763.281.263
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	7.256.407.132	10.487.945.164	7.890.468.391	16.346.711.072
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.285.498.326	2.364.317.320	3.403.917.477	8.416.570.191
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	5.360.422	25.762.629	1.009.156.328	1.053.075.308
7. Chi phí tài chính	22			48.977.021	30.133.056	30.133.056
Trong đó: Chi phí lãi vay	23			-		-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.04	778.412.679	2.910.589.834	453.567.933	453.567.933
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	1.897.945.467	8.765.330.042	2.400.590.953	9.388.596.042
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.385.499.398)	(9.334.816.948)	1.528.781.863	(402.651.532)
11. Thu nhập khác	31	VI.06	7.898.008	214.748.455	101.068.481	490.161.861
12. Chi phí khác	32	VI.07	-	191.031.200	96.752.656	406.832.363
13. Lợi nhuận khác	40		7.898.008	23.717.255	4.315.825	83.329.498
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.377.601.390)	(9.311.099.693)	1.533.097.688	(319.322.034)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51				38.637.324	38.637.324
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.377.601.390)	(9.311.099.693)	1.494.460.364	(357.959.358)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			(21)	(142)	23	(5)

Nhơn Trạch, ngày 15 tháng 01 năm 2015

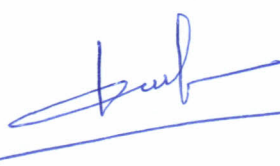
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Thúy Hoa



Khương Nguyễn Đức Huy



Nguyễn Hiếu Lộc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(9.311.099.693)	(319.322.034)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.09	2.010.734.223	2.077.799.996
- Các khoản dự phòng	03		48.977.021	30.133.056
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(25.762.629)	(1.053.075.308)
- Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.277.151.078)	735.535.710
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		370.602.981	116.231.373.562
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.732.240.926)	(64.670.775)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5.411.839.861	(6.332.559.316)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		593.189.486	1.770.315.496
- Tiền lãi vay đã trả	13		(34.350.659.210)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(41.094.739)	(799.660.120)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			648.071.395
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.041.000.000)	(801.490.612)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(46.066.513.625)	111.386.915.340
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(22.207.289.436)	(152.058.211.439)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.000.000.000)	(100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		72.551.975.193	38.165.646.257
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(2.917.498.067)	53.075.308
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		43.427.187.690	(113.939.489.874)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(24.935.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40			(24.935.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		(2.639.325.935)	(2.577.510.034)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	V.01	4.133.648.181	6.711.158.215
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	V.01	1.494.322.246	4.133.648.181

Nhơn Trạch, ngày 15 tháng 01 năm 2015

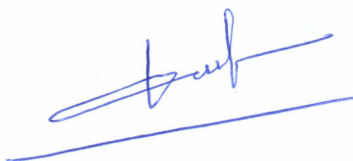
Người lập biểu

Kế toán trưởng

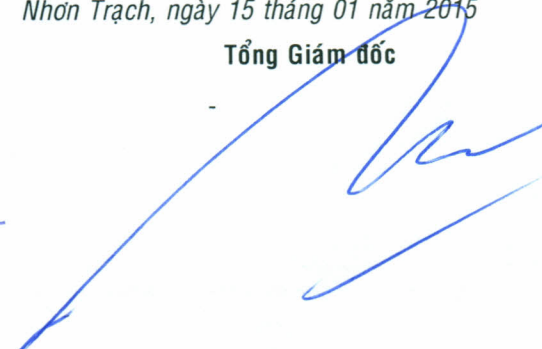
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thúy Hoa



Khương Nguyễn Đức Huy



Nguyễn Hiếu Lộc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4/2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Đầu tư, Sản xuất - chế biến, Dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Đầu tư, xây dựng, kinh doanh nhà, bất động sản, khu vui chơi giải trí, hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp...; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi...; Khai thác, mua bán đất đá, sỏi; Sản xuất, mua bán cây giống, cây kiểng, hoa các loại; Trồng và chăm sóc cây cao su, chế biến mủ cao su, bán buôn cao su.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Hoạt động chính của Công ty trong năm là tập trung chủ yếu vào hoạt động đầu tư dự án Khu dân cư Phú Thạnh – Long Tân.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm tài chính thứ 10 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 10
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

6. Tài sản cố định vô hình

- Trang web Công ty

Trang web Công Ty là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa trang web vào sử dụng. Trang web của Công ty được khấu hao trong 3 năm.

- Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 3 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu

Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn phát hành trái phiếu là 5 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo đối với hoạt động sản xuất và xây dựng.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013: 20.828 VND/USD

31/12/2014: 21.246 VND/USD

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	17.044.066	1.726.590
Tiền gửi ngân hàng	1.477.278.180	4.131.921.591
Các khoản tương đương tiền (*)		
Cộng	<u>1.494.322.246</u>	<u>4.133.648.181</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu trạm phân phối khí		39.348.464
Bán cây cao su		7.300.000
Cộng	<u>0</u>	<u>46.648.464</u>

3. Trả trước cho người bán

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>1.340.721.868</u>	<u>1.110.182.158</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu	24.596.268.632	21.653.007.936
Tạm ứng cổ tức năm 2011 theo NQ ĐHCĐ 20	25.657.160.000	25.444.660.000
Phải thu bán CP Đại Á	42.000.000.000	42.000.000.000
Phải thu khác (Tiền điện và các khoản khác)	18.218.701	17.955.096
Cộng	<u>92.271.647.333</u>	<u>89.115.623.032</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 4 năm không có khả năng thu hồi.

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	12.746.445.599	8.909.205.526
Công cụ, dụng cụ	73.663.707	73.679.531
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (vườn ươm,	4.944.969.611	4.740.799.824
Thành phẩm (cao su RSS3)	2.162.326.697	666.644.906
Hàng hóa (cây cao su)	17.025.975.099	12.830.810.000
Cộng	36.953.380.713	27.221.139.787

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
CP trả trước ngắn	315.940.694	2.703.618.294	(2.807.320.998)	212.237.990
Cộng	315.940.694	2.703.618.294	(2.807.320.998)	212.237.990

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	194.161.258	276.809.594

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	12.274.609.309	785.548.640	4.816.922.372	257.318.269	18.134.398.590
Tăng trong kỳ	104.140.909	-	-	71.231.412	175.372.321
- Mua sắm trong kỳ					0
- ĐTXDCB hoàn thành trong	104.140.909				104.140.909
- Phân loại, trình bày lại				71.231.412	71.231.412
Số giảm trong kỳ	(71.231.412)				(71.231.412)
- Phân loại, trình bày lại	(71.231.412)				(71.231.412)
- Thanh lý trong kỳ					
Số cuối năm	12.307.518.806	785.548.640	4.816.922.372	328.549.681	18.238.539.499
<i>Trong đó</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn</i>					
<i>còn sử dụng</i>					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.210.803.087	720.533.290	2.250.997.160	248.608.899	6.430.942.436
Khấu hao trong kỳ	1.269.196.795	46.226.350	658.900.608	36.410.470	2.010.734.223
Thanh lý trong kỳ					0
Số cuối năm	4.479.999.882	766.759.640	2.909.897.768	285.019.369	8.441.676.659
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	9.063.806.222	65.015.350	2.565.925.212	8.709.370	11.703.456.154
Số cuối năm	7.827.518.924	18.789.000	1.907.024.604	43.530.312	9.796.862.840

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	233.920.909	-
XDCB dở dang	1.161.276.430.797	86.983.465.588	1.248.259.896.385
Chi phí dự án khu dân cư	1.160.358.280.078	84.453.707.041	1.244.811.987.119
Khu dự án Lilama	918.150.719	2.529.758.547	3.447.909.266
Cộng	1.161.276.430.797	87.217.386.497	1.248.259.896.385

11. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư mua 4.000.000 cổ phiếu của Công ty XD & TM Phước Tân với tổng giá trị là 28.000.000.000 đồng và nắm giữ 40% vốn điều lệ của Công ty này.

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay dài hạn	385.543.840.107	458.095.815.300
Đầu tư vào Cty Phương Đông	23.200.000.000	23.200.000.000
Đầu tư vào Cty Hoàng Trạch	7.093.000.000	7.093.000.000
Cộng	415.836.840.107	488.388.815.300

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Phước Tân : (79.110.077)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	106.071.563	138.545.000	133.392.724	111.223.839
CP tư vấn phát hành trái phiếu	1.771.944.444		1.771.944.444	0
CP dài hạn bộ phận SX cao su	23.862.343		21.926.734	1.935.609
Chi phí sản giao dịch BĐS	681.827.625	138.255.366	436.216.743	383.866.248
CP quảng cáo, truyền thông tiếp thị khu 1D		1.597.193.497		1.597.193.497
Cộng	2.583.705.975	1.873.993.863	2.363.480.645	2.094.219.193

15. Tài sản dài hạn khác

Tiền đặt cọc thuê văn phòng Chi nhánh TP .HCM.

16. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cộng	1.484.303.489	2.536.628.138

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa				-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.637.324		41.094.739	
Thuế thu nhập cá nhân	8.240.325	176.116.029	160.403.964	23.952.390
Thuế nhà đất		360.687.147	360.687.147	-
Các loại thuế khác		6.522.909	6.522.909	-
Cộng	46.877.649	543.326.085	568.708.759	23.952.390

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cây xanh, cây cao su, mủ cao su chưa qua chế biến: Không chịu thuế
- Mủ cao su đã qua sơ chế: 5%
- Xây dựng: 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.311.099.693)	(319.322.034)
Các khoản điều chỉnh tăng	384.902.914	473.871.331
- Chi phí không hợp lệ	384.902.914	473.871.331
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	(9.696.002.607)	154.549.297

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	38.637.324
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	38.637.324

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Phải trả người lao động

Lương tháng 12/2014 còn phải trả cho lao động thuê ngoài.

19. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	167.034.398.785	135.752.197.491
Chi phí phải trả khác	36.177.595	28.052.859
Cộng	167.070.576.380	135.780.250.350

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	12.562.558	12.329.147
Bảo hiểm xã hội	183.759.831	38.299.312
Bảo hiểm y tế	29.331.978	
Bảo hiểm thất nghiệp	13.082.257	137.355
Tiền đặt cọc mua đất	5.773.116.110	204.998.220
Phải trả cổ tức cho cổ đông	510.600.000	550.600.000
Phải trả phải nộp khác	102.214.641	165.502.480
Cộng	6.624.667.375	971.866.514

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích quỹ trong kỳ	Chi trong kỳ	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.068.651.989		1.041.000.000	27.651.989
Quỹ phúc lợi	3.777.178			3.777.178
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty	200.000.000			200.000.000
Cộng	1.272.429.167	0	1.041.000.000	231.429.167

22. Vay và nợ dài hạn

Trái phiếu phát hành với mệnh giá 1.000.000.000 đồng, kỳ hạn 5 năm để đầu tư vào dự án khu dân cư Đông Sài Gòn (trước đây là KDC Phú Thạnh – Long Tân). Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 700.522 m² đất ở lâu dài (có thu tiền sử dụng đất). Chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đợt 1: Trái phiếu lãi suất 11,625%/năm (áp dụng hiện hành).	500	500.000.000.000
Đợt 2: Trái phiếu lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần (11%/năm áp dụng hiện hành).	500	500.000.000.000
Cộng	<u>1.000</u>	<u>1.000.000.000.000</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch đã lập phương án xin gia hạn thời gian thanh toán nợ gốc trái phiếu thêm 04 năm kể từ ngày đáo hạn trái phiếu, cụ thể như sau:

	<u>Giá trị (VNĐ)</u>	<u>Ngày đáo hạn</u>	<u>Ngày thanh toán nợ gốc gia hạn</u>	<u>Lãi suất</u>
Đợt 1:	500.000.000.000	18/08/2014	18/08/2018	Điều chỉnh 06 tháng/lần
Đợt 2:	500.000.000.000	24/12/2014	24/12/2018	Điều chỉnh 06 tháng/lần
Cộng	<u>1.000.000.000.000</u>			

Hiện tại, Công ty đang đàm phán với Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu về mức lãi suất tính lãi gia hạn trái phiếu kỳ đầu tiên là **11%/năm** và lãi suất biên áp dụng cho các kỳ tính lãi gia hạn trái phiếu tiếp theo là **3,5%/năm**.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
	<u>Quý 4</u>	<u>Lũy kế đến cuối năm</u>	<u>Quý 4</u>	<u>Lũy kế đến cuối năm</u>
Tổng doanh thu	8.541.905.458	12.852.262.484	11.294.385.868	24.763.281.263
- Doanh thu thành phẩm	6.177.535.598	10.068.849.583	9.904.115.868	23.046.041.263
- Doanh thu hàng hóa	2.364.369.860	2.783.412.901	1.390.270.000	1.717.240.000
Các khoản giảm trừ doanh thu		0		0
Doanh thu thuần	<u>8.541.905.458</u>	<u>12.852.262.484</u>	<u>11.294.385.868</u>	<u>24.763.281.263</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
	<u>Quý 4</u>	<u>Lũy kế đến cuối năm</u>	<u>Quý 4</u>	<u>Lũy kế đến cuối năm</u>
Giá vốn của thành phẩm	6.496.133.272	9.672.110.263	7.234.338.391	15.485.861.072
Giá vốn của hàng hóa	760.273.860	815.834.901	656.130.000	860.850.000
Cộng	<u>7.256.407.132</u>	<u>10.487.945.164</u>	<u>7.890.468.391</u>	<u>16.346.711.072</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 4	Lũy kế đến cuối năm	Quý 4	Lũy kế đến cuối năm
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.360.422	25.762.629	9.156.328	53.075.308
Lãi chuyển nhượng CP			1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	5.360.422	25.762.629	1.009.156.328	1.053.075.308

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 4	Lũy kế đến cuối năm	Quý 4	Lũy kế đến cuối năm
Chi phí nhân viên quản lý	322.771.424	1.168.832.333	207.611.648	207.611.648
Chi phí vật liệu quản lý	2.176.000	19.374.762	9.540.000	9.540.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	186.638.155	431.514.952	36.432.572	36.432.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	221.692.775	951.795.879	192.783.713	192.783.713
Chi phí bằng tiền khác	45.134.325	339.071.908	7.200.000	7.200.000
Cộng	778.412.679	2.910.589.834	453.567.933	453.567.933

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 4	Lũy kế đến cuối năm	Quý 4	Lũy kế đến cuối năm
Chi phí nhân viên quản lý	986.386.049	3.906.153.926	1.070.268.347	4.254.608.753
Chi phí vật liệu quản lý	15.122.755	56.005.200	18.273.206	68.192.736
Chi phí đồ dùng văn phòng	-53.165.193	139.472.891	39.326.455	137.797.617
Chi phí khấu hao TSCĐ	491.436.828	1.962.273.261	564.693.357	1.997.921.289
Thuế, phí, lệ phí	33.202.414	469.305.816	115.361.782	453.760.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	192.922.768	1.005.778.509	255.587.982	1.114.698.798
Chi phí bằng tiền khác	232.039.846	1.226.340.439	337.079.824	1.361.616.420
Cộng	1.897.945.467	8.765.330.042	2.400.590.953	9.388.596.042

6. Thu nhập khác

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 4	Lũy kế đến cuối năm	Quý 4	Lũy kế đến cuối năm
Giá trị vật tư thừa nhận kho				32.152.266
Hoàn nhập tiền lương không chi hết				41.727.002
Tiền bán điện bên ngoài, khác	7.898.008	214.748.455	101.068.481	416.282.593
Cộng	7.898.008	214.748.455	101.068.481	490.161.861

7. Chi phí khác

Thu tiền điện tại Xưởng cưa đá Long Tân.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

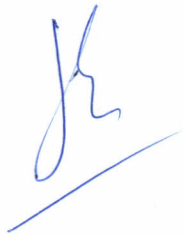
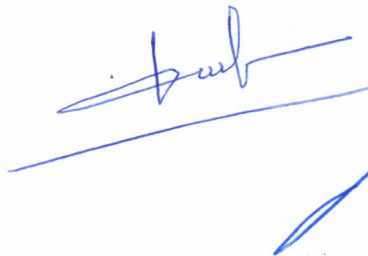
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 4	Lũy kế đến cuối năm	Quý 4	Lũy kế đến cuối năm
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TND	(1.377.601.390)	(9.311.099.693)	1.494.460.364	(357.959.358)
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông				
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.377.601.390)	(9.311.099.693)	1.494.460.364	(357.959.358)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	65.686.000	65.686.000	65.686.000	65.686.000
Cộng	(21)	(142)	23	(5)

Nhơn Trạch, ngày 15 tháng 01 năm 2015

**Nguyễn Thúy Hoa**
Người lập biểu**Khương Nguyễn Đức Huy**
Kế toán trưởng**Nguyễn Hiếu Lộc**
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

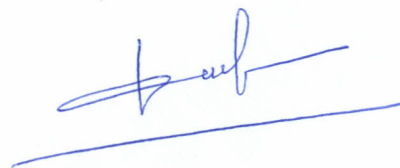
Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VNĐ					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	660.000.000.000	(4.710.000.000)	1.360.010.821	1.360.010.821	17.031.828.574	675.041.850.216
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(357.959.358)	(357.959.358)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-	0
Số dư cuối năm trước	660.000.000.000	0	1.360.010.821	1.360.010.821	16.673.869.216	674.683.890.858
Số dư đầu năm nay	660.000.000.000	(4.710.000.000)	1.360.010.821	1.360.010.821	16.673.869.216	674.683.890.858
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(9.311.099.693)	(9.311.099.693)
Trích quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	660.000.000.000	(4.710.000.000)	1.360.010.821	1.360.010.821	7.362.769.523	665.372.791.165

Nhơn Trạch, ngày 15 tháng 01 năm 2015



Nguyễn Thúy Hoa
Người lập biểu



Khương Nguyễn Đức Huy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hiếu Lộc
Tổng Giám đốc